

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/DS-ST
Ngày: 28/12/2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cơ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Khánh và ông Nguyễn Văn Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2023/QĐST-DS ngày 13/12/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT

Địa chỉ: xxx Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường x, quận y, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch D – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Trần HN – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Phú Yên theo Quyết định số xxx/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022. Bà Nha ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu Thảo – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ theo Văn bản ủy quyền số xx/2023/GUQ-CNPY ngày 14/02/2023. Có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Văn C, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp Trung, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 05/3/2018 Ngân hàng với ông Trương Văn C ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng số xxxx ngày 07/3/2018 có nội dung cấp thẻ mục đích tiêu dùng cá nhân, có hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng, lãi suất 33,2%/năm, vào ngày 05

hàng tháng ông C phải có trách nhiệm trả một khoản tiền tối thiểu cho Ngân hàng theo Điều 18 Bảng điều khoản điều kiện ngày 04/01/2018, ông C có trách nhiệm sử dụng trong hạn mức được cấp nếu ông C sử dụng vượt hạn mức thì phải trả số tiền vượt hạn mức và phí phát sinh do vượt hạn mức theo Điều 27 Bảng điều khoản điều kiện ngày 04/01/2018.

Đến kỳ ngày 05/12/2022, ông C không trả nợ nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tại thời điểm xét xử ông C đã sử dụng vượt hạn mức 964.343 đồng. Do ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông C phải trả nợ tiền gốc là 10.964.343 đồng và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2023 là 5.983.354 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 29/12/2023 theo Bảng điều khoản và điều kiện ngày 04/01/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Tại biên bản xác minh ngày 21/11/2023 Công an phường Hòa Hiệp Trung cung cấp: Ông Trương Văn C, sinh năm 1968 có hộ khẩu đăng ký tại khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp Trung, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Hiện nay ông C không có mặt ở địa phương khoảng 01 năm. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng thời không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐH phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trương Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT toàn bộ số tiền nợ gốc là 10.964.343 đồng và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2023 là 5.983.354 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 29/12/2023 theo Bảng điều khoản và điều kiện ngày 04/01/2018 cho đến khi trả hết nợ; bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Trương Văn C tự nguyện giao kết hợp đồng vay với nguyên đơn nhưng bị đơn rời khỏi địa phương thời gian trên 06 tháng mà không thông báo cho địa phương và phía nguyên đơn biết địa chỉ mới của bị đơn. Do đó, nguyên đơn không cung cấp được địa chỉ hiện tại của bị đơn, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án

tiến hành giải quyết theo thủ tục chung. Bị đơn ông Trương Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Trương Văn C theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã ĐH giải quyết buộc ông Trương Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ có hộ khẩu thường trú tại khu phố Phú Hiệp 3, phường Hòa Hiệp Trung, thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã ĐH, tỉnh Phú Yên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn C thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số xxxx ngày 07/3/2018 nên Tòa án đã thụ lý vụ án quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” là đúng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số xxxx ngày 07/3/2018 và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Ngày 07/3/2018 Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT với ông Trương Văn C ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng số xxxx ngày 07/3/2018 có nội dung Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông C với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, lãi suất 33,2%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm, hai bên thỏa thuận vào ngày 05 hàng tháng ông C phải có trách nhiệm trả một khoản tiền tối thiểu cho Ngân hàng theo Điều 18 Bảng điều khoản điều kiện ngày 04/01/2018, ông C được sử dụng trong hạn mức được cấp nếu ông C sử dụng vượt hạn mức thì phải trả số tiền vượt hạn mức và phí phát sinh do vượt hạn mức theo Điều 27 Bảng điều khoản điều kiện ngày 04/01/2018. Sau khi cấp thẻ tín dụng, ông C đã kích hoạt thẻ và thực hiện giao dịch đầu kỳ từ ngày 05/4/2018, lần cuối cùng giao dịch là 05/11/2022.

[2.2] Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng cung cấp, có cơ sở khẳng định thực tế có sự giao kết hợp đồng giữa Ngân hàng và ông Trương Văn C. Việc giao kết này dựa trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bị lừa dối, ép buộc; các bên đều có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; Hợp đồng có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại Điều 401, 402, 405 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 94, 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, nên có hiệu lực với các bên tham gia.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sử dụng thẻ, ông C đã không thực hiện theo đúng cam kết, khi đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 05/12/2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn, tính lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm các bên thỏa thuận. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông C đã vi phạm quy định của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều

kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng, vi phạm Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Tính đến ngày xét xử 28/12/2023, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là: 10.964.343 đồng và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2023 là 5.983.354 đồng.

[3] Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và các giấy triệu tập tham gia các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải cũng như phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn ông Trương Văn C vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày đối với yêu cầu của Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trương Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền: 16.947.697 đồng, trong đó nợ gốc là 10.964.343 đồng và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2023 là 5.983.354 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 29/12/2023 theo Bảng điều khoản và điều kiện ngày 04/01/2018 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được chấp nhận, hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 429, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94, 95, 118 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín. Buộc ông Trương Văn C phải trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền 16.947.697 đồng (*Mười sáu triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn sáu trăm chín bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 10.964.343 đồng và nợ lãi tính đến ngày 28/12/2023 là 5.983.354 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 29/12/2023 theo Bảng điều khoản và điều kiện ngày 04/01/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Bị đơn ông Trương Văn C phải chịu 847.000 đồng (*tám trăm bốn mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 310.000 đồng (*Ba trăm mười nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006744 ngày 21/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã ĐH.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TX. ĐH;
- Chi cục THADS TX. ĐH;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cơ